

# Nâng cao nguồn nhân lực đồng bào dân tộc Khmer góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long

## Enhancing human resources among Khmer ethnic communities to contribute to socio-economic development in the Mekong Delta

ThS. PHẠM KIM THÀNH

Trường Đại học Công Thương TP.HCM, Việt Nam Email:thanhpk@huit.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/3/2026

Ngày phản biện: 08/3/2026

Ngày duyệt đăng: 20/3/2026

Bài viết thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và nhân văn

**Tóm tắt:** Việt Nam là quốc gia có 54 dân tộc, với trình độ phát triển kinh tế - xã hội không giống nhau. Trong đó, phần lớn dân tộc thiểu số có nhiều hạn chế trong việc phát triển kinh tế - xã hội cho nên Nhà nước luôn có những chính sách quan tâm sâu sắc cho các dân tộc. Ở Đồng bằng sông Cửu Long, đời sống kinh tế - xã hội của dân tộc Khmer trong những năm qua đã cải thiện và phát triển hơn trước. Tuy nhiên, xét dưới góc độ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững thì còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém như: Tình trạng nghèo đói, bệnh tật, phát triển giáo dục - đào tạo và nhất là chất lượng nguồn nhân lực thấp. Thực tế đó, rất cần nghiên cứu đánh giá một cách toàn diện nguyên nhân những hạn chế, khó khăn vướng mắc. Và đồng thời đó cũng chính là cơ sở để đề xuất những giải pháp để nâng cao nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa:** nguồn nhân lực; kinh tế - xã hội; Đồng bằng sông Cửu Long; dân tộc Khmer; Việt Nam.

**Abstract:** Vietnam is a country with 54 ethnic groups, whose levels of socio-economic development vary significantly. Many ethnic minority groups still face considerable limitations in socio-economic development so the State has consistently implemented policies to support them. In the Mekong Delta, the socio-economic conditions of the Khmer ethnic community have improved in recent years. However, from the perspective of sustainable socio-economic development, several limitations remain, such as poverty, disease, challenges in education and training, and especially the low quality of human resources. This reality calls for comprehensive research to identify the causes of these constraints and challenges, which also serves as a basis for proposing solutions to improve the quality of human resources among Khmer communities, thereby contributing to sustainable socio-economic development in the Mekong Delta.

**Keywords:** Human resources; socio-economic development; Mekong Delta; Khmer ethnic group; Vietnam.

### 1. Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có dân số khoảng 17,5 triệu người, chiếm gần 18% dân số cả nước, là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc anh em. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ khoảng 92,42%; dân tộc Khmer: 1.325.695 người (chiếm 1,37% dân số cả nước, khoảng 6-8% dân số ĐBSCL) (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2024); dân tộc Hoa: 0,87%; dân tộc Chăm: 0,08% và một số dân tộc thiểu số khác. Họ

không chỉ tham gia khai phá vùng đất mà còn đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, cùng các dân tộc khác ở Nam bộ làm nên thắng lợi lịch sử ngày 30/4/1975. Trong hơn 50 năm qua, đồng bào Khmer đã đoàn kết cùng các dân tộc khác xây dựng phum sóc và quê hương ngày càng giàu đẹp.

Những năm qua Đảng, Nhà nước đã dành sự quan tâm đầu tư và hỗ trợ ĐBSCL trên nhiều mặt, đặc biệt là các chính sách cho dân tộc Khmer. Đảng

bộ, chính quyền và dân tộc Khmer trong vùng cũng đã nỗ lực huy động nhiều nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể, đời sống vật chất và tinh thần từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, do các yếu tố chủ quan cũng như khách quan đan xen đã làm giảm tính hiệu quả lâu dài của các chương trình hỗ trợ: số hộ nghèo và khả năng tái nghèo còn cao; tỷ lệ việc làm qua đào tạo còn thấp; tình trạng thiếu đất ở và đất sản xuất vẫn còn nhiều. Nhưng trong đó, nguồn nhân lực hạn chế là điểm yếu lớn nhất. Điểm yếu này đã và đang ảnh hưởng lớn đến việc phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Khmer nói riêng và ĐBSCL nói chung. Vì vậy, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, cần thiết phải nghiên cứu, xác định rõ các nguyên nhân cốt lõi, từ đó xây dựng cơ sở thực tiễn vững chắc để xuất những giải pháp mang tính căn cơ và lâu dài.

## **2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận về thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay**

### **2.1. Khái quát về đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long**

Theo số liệu Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số của Ủy ban Dân tộc, tính đến ngày 15/8/2024, dân số đồng bào Khmer là 1.325.695 người (chiếm 1,37% dân số cả nước). Ở ĐBSCL là 1.158.292 người (chiếm khoảng 6-8% dân số ĐBSCL), sống ở thành thị là 394.468 người, sống ở nông thôn là 931.227 người.

Ở ĐBSCL, người Khmer phân bố khắp các tỉnh thành, là tộc người có dân số đông đứng thứ hai sau người Kinh, và có tới 90% sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; chỉ một bộ phận nhỏ sống ở thành thị (Phạm Võ Quỳnh Hạnh, 2025). Đây là một trong những yếu tố tác động rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer, cũng như ảnh hưởng đến việc phát triển bền vững vùng.

Có thể nói, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Nam bộ nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng đã gắn liền với lịch sử dân tộc Khmer, người Khmer là một bộ phận quan trọng của vùng đất này. Họ hợp thành khối cộng đồng đa dân tộc, đa văn hóa Việt Nam. Người Khmer đã cùng chung sống gắn

bó, đoàn kết với người Kinh, người Hoa, người Chăm... Văn hóa, con người đã góp phần tạo thành nền văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam.

Do đặc thù của khu vực sinh sống cùng với những đặc điểm về văn hóa, phong tục tập quán nên Đảng, Nhà nước đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cũng như bảo tồn văn hóa truyền thống để góp phần xóa bỏ khoảng cách phát triển và mức sống giữa các dân tộc, thực hiện bình đẳng xã hội, thực thi an sinh xã hội, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn theo hướng bền vững. Nhà nước đã có rất nhiều chính sách, văn bản về dân tộc đã và đang triển khai thực hiện. Có thể kể đến một số chương trình tiêu biểu như: Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới. Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/4/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Cùng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước thì Đảng bộ, chính quyền và dân tộc Khmer trong vùng cũng đã nỗ lực huy động nhiều nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, đã có những thay đổi tích cực về đời sống vật chất và tinh thần. Tuy nhiên, do các yếu tố chủ quan cũng như khách quan đã làm giảm tính hiệu quả lâu dài của các chương trình hỗ trợ: số hộ nghèo còn khá cao, nguy cơ tái nghèo; tình trạng thiếu đất ở và sản xuất vẫn còn nhiều. Đặc biệt là chất lượng nguồn nhân lực còn bộc lộ nhiều hạn chế yếu kém.

### **2.2. Thực trạng nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long**

Theo số liệu Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số của Ủy ban Dân tộc, tính đến ngày 15/8/2024, dân số đồng bào Khmer là 1.325.695 người (chiếm 1,37% dân số cả nước, ở ĐBSCL là 1.158.292 người chiếm khoảng 6-8% dân số ĐBSCL). Về nguồn nhân lực và việc làm, số người từ 15 tuổi trở lên tham gia lực lượng lao động là 612.039 người chiếm 70,2%, (so với mức chung của 53 dân tộc là 72,2%), tỷ lệ thất nghiệp là 2.133%; Tỷ lệ lao động có việc làm của đồng bào Khmer từ 15 tuổi trở lên theo trình độ chuyên môn cụ thể như sau: không có trình độ chuyên môn kỹ

thuật là 91%; sơ cấp 2,8%; trung cấp: 1,1%; cao đẳng: 1,1%; đại học trở lên: 4% (trong khi mức chung của 53 dân tộc thiểu số tương ứng là: 87,5%; 4,1%; 2,5%; 1,6% và 4,3%), (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2024).

Tỷ lệ lao động có việc làm của đồng bào Khmer từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm nghề cho thấy cơ cấu việc làm còn nghiêng mạnh về các nghề có trình độ thấp. Cụ thể, nhóm nhà lãnh đạo chiếm 0,1%; chuyên môn kỹ thuật bậc cao 1,7%; chuyên môn kỹ thuật bậc trung 0,8%; nhóm vận hành máy móc, thiết bị 10,6%; trong khi nghề giản đơn chiếm tỷ trọng cao nhất, lên đến 45,6%. Xét theo khu vực kinh tế, lao động Khmer từ 15 tuổi trở lên có việc làm chủ yếu tập trung ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với 42,7%; tiếp đến là công nghiệp và xây dựng chiếm 39,5%; khu vực dịch vụ chiếm 17,8%. Trong khi đó, cơ cấu tương ứng của 53 dân tộc thiểu số lần lượt là 73,3% ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; 14,8% ở công nghiệp và xây dựng; và 11,9% ở dịch vụ.

Đáng chú ý, tỷ lệ thất nghiệp của đồng bào Khmer từ 15 tuổi trở lên ở mức 4,284%, cao hơn so với mức 3,484% của 53 dân tộc thiểu số (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2024). Những số liệu này phản ánh sự khác biệt nhất định trong cơ cấu việc làm và mức độ tham gia thị trường lao động giữa đồng bào Khmer và các dân tộc thiểu số khác.

Về trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ học sinh dân tộc Khmer đi học THCS và THPT tương ứng là 81,6% và 42,8,2% (mức chung của 53 dân tộc thiểu số là 91,2% và 53,8%); tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp học tiểu học, THCS và THPT của đồng bào Khmer tương ứng là 93,6%; 77,2% và 45,6% (đều thấp hơn mức chung của 53 dân tộc thiểu số là 96,3%; 86,6% và 51,1%); tỷ lệ đồng bào Khmer trong độ tuổi đi học nhưng không đi học theo các cấp học tiểu học, THCS, THPT là 3,9%; 17,8% và 54,5% (mức chung của 53 dân tộc thiểu số là 1,7%; 9,1% và 45%). Tỷ lệ đồng bào Khmer từ 15 tuổi trở lên theo trình độ giáo dục cao nhất đạt được và so dân tộc ở các cấp: dưới tiểu học, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học tương ứng là 32,2%; 31,8%; 16,5; 18,4%; 2,8%; 1,1%; 1,1% và 4% (so với tỷ lệ chung của 53 dân tộc thiểu số là 17,9%; 22,8%; 22,5%; 36,8%; 4,1%; 2,5%; 1,6% và 4,3%) (Bộ Dân tộc và Tôn

giáo, 2024).

Từ thực trạng trên có thể thấy chất lượng nguồn nhân lực còn rất thấp: Hiện có đến 91% lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Do đó, lao động thiếu kiến thức, kỹ năng, năng lực làm việc, khả năng thích nghi lao động. Trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật của đồng bào Khmer nói trên đặt ra không ít khó khăn, trở ngại đối với việc chuyển dịch cơ cấu việc làm. Hiện lao động chủ yếu làm việc trong khu vực nông nghiệp và phi chính thức chiếm tỷ lệ cao trên 80% lực lượng lao động. Đây là những ngành có tính đặc thù, dễ bị tổn thương ở ĐBSCL trước sự biến đổi khí hậu cùng với việc chuyển dịch cơ cấu ngành nghề. Vì vậy, việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế, chuyển dịch lao động sang sản xuất hàng hóa, chuyển đổi sinh kế, đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, tạo cơ hội việc làm có giá trị gia tăng và thu nhập cao là thách thức lớn. Nhưng nếu có giải pháp căn cơ sẽ là cơ sở quan trọng nhằm giảm nghèo bền vững cho dân tộc Khmer nói riêng và phát triển bền vững cho vùng ĐBSCL nói chung.

### ***2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đồng bào Khmer nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay***

*Thứ nhất*, cần chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực.. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục: Tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp trường lớp học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa có đông đồng bào Khmer sinh sống. Đảm bảo các trường học đạt chuẩn quốc gia và có đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy.

Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và chính sách cử tuyển: Tiếp tục phát huy hiệu quả của hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và chính sách cử tuyển để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số được học tập và nâng cao trình độ.

Đẩy mạnh đào tạo nghề và tạo việc làm: Tổ chức các lớp đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đặc thù của vùng (nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, thủ công mỹ nghệ) cho thanh niên Khmer. Cần có các chương trình hỗ trợ chuyển đổi

nghề cho các hộ thiếu đất sản xuất.

Bảo tồn và phát huy ngôn ngữ Khmer trong giáo dục: Khuyến khích việc dạy và học tiếng Khmer trong các trường học, đặc biệt là tại các trường dân tộc nội trú, thông qua các hoạt động như: Hội thi Hùng biện tiếng Khmer. Tiếp tục phát huy vai trò của Trường Trung cấp Pali Khmer trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về ngôn ngữ, văn hóa Khmer.

*Thứ hai*, đổi mới tư duy, cách tiếp cận chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của lao động vùng. Cần khắc phục tình trạng đào tạo nghề theo chỉ tiêu thành tích, theo phong trào, thiếu gắn kết với nhu cầu thị trường, với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cũng như với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có đào tạo và sử dụng nhiều lao động là người dân tộc Khmer.

*Thứ ba*, kết hợp phổ cập văn hóa với đào tạo nghề thực tiễn. Thực hiện mô hình “Học chữ đi đôi với học nghề”. Triển khai các lớp đào tạo nghề ngắn hạn ngay tại các trung tâm học tập cộng đồng hoặc phối hợp với các nhà chùa (vốn là trung tâm văn hóa của người Khmer) để dạy các nghề phù hợp như: sửa chữa máy nông nghiệp, dệt thổ cẩm truyền thống gắn với du lịch, hay kỹ thuật nuôi trồng thích ứng biến đổi khí hậu, tạo mô hình, điểm sáng lan tỏa về đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, trọng tâm là phát triển các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn, từng bước hình thành các trung tâm kinh tế có khả năng lan tỏa mạnh. Đồng thời, trang bị cho người lao động những kiến thức cơ bản về thị trường, chủ động tham gia chuỗi giá trị và tăng cường liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp.

*Thứ tư*, coi trọng giáo dục - đào tạo ngay từ các cấp học nền tảng, gắn với điều kiện môi trường sống của người học. Chính sách bền vững cần bảo đảm các điều kiện thuận lợi về môi trường sống, trên cơ sở tôn trọng và phát huy năng lực tại chỗ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở những vùng còn nhiều khó khăn.

*Thứ năm*, các bộ, ngành, địa phương và cơ sở đào tạo cần chủ động rà soát danh mục ngành, nghề đào tạo; xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và thời lượng đào tạo của các chương trình giáo dục nghề

nghề nhằm phù hợp với trình độ, đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số và điều kiện vùng, miền. Cần tăng cường cung cấp thông tin về thị trường lao động; đẩy mạnh, mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào; xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp thực hiện chính sách thu hút, đào tạo và sử dụng lao động. Ngoài ra, nhà nước cần có giải pháp đồng bộ nhằm thu hút và phát triển mạnh thị trường lao động, chú trọng lao động là người dân tộc để giúp học có cơ hội tiếp cận và tham gia vào mô hình xuất khẩu lao động, nhất là đối với đồng bào dân tộc Khmer.

### 3. Kết luận

Phát triển đời sống đồng bào Khmer nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng luôn là ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Nhờ những nỗ lực tự thân của cộng đồng nên kinh tế - xã hội khu vực đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, do những yếu tố khách quan và chủ quan, lộ trình phát triển bền vững vẫn còn nhiều khó khăn, mà nguyên nhân căn bản là chất lượng nguồn nhân lực chưa cao. Để khắc phục tình trạng này, cần chú trọng phát huy nội lực cộng đồng, tập trung giải quyết đồng bộ vấn đề giáo dục và việc làm. Việc ưu tiên nguồn lực cho lĩnh vực này trong chiến lược phát triển quốc gia sẽ giúp nguồn nhân lực thực sự trở thành khâu đột phá, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của vùng trong tương lai./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Dân tộc và Tôn giáo. (2024). *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số*. Dân số chia theo dân tộc, giới tính và đơn vị hành chính cấp huyện, 01/7/2024.
2. Phạm Võ Quỳnh Hạnh. (2025). *Vấn đề di cư lao động của người Khmer hiện nay*. Cục Dân số, Bộ Y tế, Truy cập tại: <https://vnpa.moh.gov.vn/van-de-di-cu-lao-dong-cua-nguoi-khmer-hien-nay/ngay-29/11/2025>.
3. Hồ Trọng Hoài. (2014). *Dấu ấn của Phật giáo Nam tông trong văn hóa tinh thần truyền thống của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long*. Truy cập tại: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/truyen-thong-hien-tai/-/2018/28632/dau-an-cua-phat-giao-nam-tong-trong-van-hoa-tinh-than-truyen-thong-cua-nguoi-khmer-dong-bang-song-cuu-long.aspx>.